

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST

Ngày: 30 - 8 - 2019.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm;

Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S; Cư trú tại: Ấp Phước T, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P; Cư trú tại: Số 2, ấp, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc T - Theo giấy ủy quyền ngày 06/5/2019 (có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông Ngô Văn Đ (vắng mặt).

+ Bà Trương Thị Ngọc H (có mặt).

+ Bà Ngô Thị Ngọc D (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Số 1, ấp Phước T, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2019 của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Kim Điền P trình bày:

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2018, ông Nguyễn Thanh S có cho vợ chồng ông Ngô Văn Đ và bà Trương Thị Ngọc H vay số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), tuy nhiên việc vay không làm giấy vay nhưng làm tờ cam kết có đất đối với phần đất có chiều ngang 16m, chiều dài 48m, đất tọa lạc tại ấp Phước T, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T để làm tin, thực chất tờ cam kết có đất này như hợp đồng vay tiền có thể chấp quyền sử dụng đất, bởi vì việc có đất này thực tế không xảy ra do bà H và ông Đ có đất cho ông S nhưng không có giao đất cho ông S sử dụng và trong tờ có đất có thỏa thuận thời hạn có đất là 02 năm, với lãi suất 3%/tháng, những thỏa thuận đó là thỏa thuận cho việc vay, đồng thời trong tờ cam kết có đất có chữ ký của ông Đ, bà H và có chữ ký xác nhận của Trưởng ban nhân dân ấp Phước T là ông Bùi Thanh B. Tuy nhiên, kể từ khi vay tiền đến nay thì ông Đ và bà không đóng lãi như thỏa thuận và cũng không trả tiền nợ gốc cho ông S.

Ngoài ra, vào khoảng cuối tháng 9 năm 2018 ông S có cho bà Ngô Thị Ngọc và ông Ngô Văn Đ (bà D là con của ông Đ và bà H) vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, mục đích vay là tiêu dùng trong gia đình, thời hạn vay là 02 năm, việc vay tiền có làm biên nhận có chữ ký ông Đ và bà D. Tuy nhiên, kể từ khi vay đến nay bà D và ông Đ không đóng lãi cũng như không trả tiền nợ gốc cho ông S như thỏa thuận.

Ông Nguyễn Thanh S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Ngô Văn Đ, bà Trương Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh S số tiền đã vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi số tiền 70.000.000 đồng (tính từ ngày 30/9/2018 đến ngày xét xử ngày 30/8/2019) lãi suất là 1,66%/tháng và buộc ông Ngô Văn Đ và bà Ngô Thị Ngọc D có trách nhiệm trả cho ông S số tiền đã vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính (từ 30/9/2018 đến ngày xét xử ngày 30/8/2019) lãi suất là 1,66%/tháng.

Tại biên bản lấy khai ngày 23 tháng 7 năm 2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trương Thị Ngọc D trình bày:

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 bà H có vay của ông Nguyễn Thanh S số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), vay 03 lần, 02 lần đầu không nhớ ngày tháng năm, lần thứ ba ngày 05/8/2018 âm lịch, đã đóng lãi cho ông S được 07 lần số tiền là 24.000.000 đồng, đóng lãi không nhớ ngày tháng năm, không có giấy tờ, cũng không ai biết, lãi suất số tiền 70.000.000 đồng mỗi ngày đóng lãi 350.000 đồng, khi vay tiền không làm giấy vay nhưng làm tờ cam kết có đất đối với phần đất có chiều ngang 16m, chiều dài 48m, đất tọa lạc tại số 183, ấp Phước T, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T để làm tin, thực chất không có có đất cho ông S.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 bà H có vay của ông Nguyễn Thanh S số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) lãi suất thỏa thuận là 30.000.000 đồng/tháng (01 ngày 1.000.000 đồng), đã đóng lãi 63.000.000 đồng, nhưng không nhớ bao nhiêu lần, không có giấy tờ, cũng không ai biết, mục đích vay là chi tiêu trong gia đình, ông Đ và bà D không trực tiếp vay nhưng ông Đ và bà D biết việc vay tiền và có ký nhận nợ. Kể từ khi vay đến nay bà H chưa trả vốn cho ông S.

Qua yêu cầu của ông Nguyễn Thanh S, bà H đồng ý trả số tiền vốn vay 02 khoản là 120.000.000 đồng (70.000.000 đồng và 50.000.000 đồng) còn tiền lãi bà

H xin ông S vì hiện nay gia đình bà H quá khó khăn. Phần tiền lãi đã đóng cho ông S do bà H không có chứng cứ nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét phần lãi đã đóng cho ông S.

Đối với ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Ngọc D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng các bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ các bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Các bị đơn ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn bà H tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng các bị đơn ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Ngọc D chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ các bị đơn ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Ngọc D đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng các bị đơn ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Ngọc D vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt các bị đơn ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Ngọc D không trở ngại cho việc xét xử vụ án. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Ngọc D.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn cư trú tại số 1, ấp Phước T, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền vay. Trong quá trình vay các bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

buộc các bị đơn trả số tiền vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền).

[4] Bị đơn bà H thừa nhận bị đơn có vay tiền của nguyên đơn, nguyên đơn cũng thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả tiền vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn H thừa nhận bị đơn là người trực tiếp vay tiền của nguyên đơn 02 lần, số tiền tổng cộng là 120.000.000 đồng, mục đích vay để phục vụ chi tiêu trong gia đình, khi vay có làm giấy thì chồng là ông Ngô Văn Đ và con là Ngô Thị Ngọc D biết việc vay tiền và đồng ý ký tên nhận nợ số tiền vay, từ khi vay đến nay các bị đơn chưa trả tiền vốn và tiền lãi cho nguyên đơn. Cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền vay vốn và lãi là có căn cứ.

[6] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn phải thanh toán tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”* và tại thời điểm hai bên thỏa thuận tiền vay là ngày 14/9/2018 thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, tức là không quá (20%/năm : 12 tháng) = làm tròn 1,67%/tháng. Mặc dù, theo thỏa thuận ban đầu giữa các bên thì lãi suất vay là 3%/tháng, nhưng theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi suất của 02 khoản tiền vay cùng ngày 30/9/2018, yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Về thời gian tính lãi được tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi mà các bị đơn còn thiếu nguyên đơn cụ thể là:

+ Số tiền 70.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 11 tháng (từ ngày 30/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/8/2019) = 12.782.000 đồng.

+ Số tiền 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 11 tháng (từ ngày 30/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/8/2019) = 9.130.000 đồng.

[7] Bị đơn bà H cho rằng trong quá trình vay bà H có đóng lãi cho nguyên đơn số tiền vay 70.000.000 đồng, đã đóng lãi cho nguyên đơn được 07 lần, số tiền là 24.000.000 đồng. Đóng lãi số tiền vay 50.000.000 đồng, đã đóng lãi nhưng không nhớ bao nhiêu lần số tiền 63.000.000 đồng, các lần đóng lãi không có giấy tờ, cũng không ai biết, đóng lãi không nhớ ngày tháng năm, phần tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn do bà H không có chứng cứ nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét phần lãi đã đóng cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Tại phiên tòa bị đơn bà H yêu cầu nguyên đơn không tính phần lãi suất và xin trả số tiền vay mỗi tháng 10.000.000 đồng, vì hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng trả vốn và lãi một lần cho nguyên đơn được. Tại phiên tòa do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn.

[9] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn không có yêu cầu các bên chấm dứt thực hiện “tờ cam kết cố đất vào ngày 14/9/2018”. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất việc lập tờ cam kết cố đất ngày 14/9/2018 là chỉ lập để làm tin cho việc vay tài sản (tiền) chứ thực chất giữa nguyên đơn và các bị đơn không có việc cố đất với nhau, nhưng nhằm giải quyết dứt điểm vụ án nghĩ nên phải tuyên chấm dứt việc thực hiện “tờ cam kết cố đất vào ngày 14/9/2018” giữa nguyên đơn và các bị đơn.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S, về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay. Buộc các bị đơn ông Ngô Văn Đ, bà Trương Thị Ngọc H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn và lãi là: 82.782.000 đồng (Tám mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 12.782.000 đồng.

Buộc các bị đơn ông Ngô Văn Đ; bà Ngô Thị Ngọc D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số vay vốn và lãi là: 59.130.000 đồng (Năm mươi chín triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 9.130.000 đồng. Các bên chấm dứt việc thực hiện “tờ cam kết cố đất vào ngày 14/9/2018” giữa nguyên đơn và các bị đơn.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng các bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.398.000 đồng (Ba triệu,

ba trăm chín mươi tám nghìn đồng), theo biên lai số 0006235 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Các bị đơn ông Ngô Văn Đ, bà Trương Thị Ngọc H liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.139.100 đồng (Bốn triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, một trăm đồng);

- Các bị đơn ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Ngọc D liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.956.500 đồng (Hai triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm đồng);

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị đơn ông Đ, bà D thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh